

Học phần: Lý thuyết xác suất_BS0.104.2

Số tín chỉ: 2

Tên lớp học phần :Lý thuyết xác suất-2-2-24(N01.BT1)

Mã học phần:BS0.104.2

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm đánh giá quá trình (a)	Ghi chú
1	233732626	Bùi Thị Kim Anh	K64.HTGTTM	5,5	
2	233732627	Nguyễn Duy Anh	K64.HTGTTM	7,0	
3	221432385	Nguyễn Hoàng Anh	K63.KTDTVTV3	4,5	
4	232234520	Nguyễn Lan Anh	K64.KTVT3	5,9	
5	233702628	Nguyễn Lê Việt Anh	K64.HTGTTM	7,1	
6	231830007	Phạm Hoàng Anh	K64.KTE 1	8,4	
7	233332552	Nguyễn Khoa Bằng	K64.RBTNT	4,7	
8	233732632	Hoàng Minh Chiến	K64.HTGTTM	5,6	
9	231532054	Nguyễn Mạnh Cường	K64.KTD1	7,5	
10	233732634	Nguyễn Quốc Doanh	K64.HTGTTM	4,7	
11	211603082	Nguyễn Duy Dũng	K62.KSTDH2	4,7	
12	231532064	Tạ Tiến Dũng	K64.KTD2	7,7	
13	232030338	Bùi Nguyễn Ánh Dương	K64.KETOAN2	5,0	
14	213133969	Nguyễn Thành Dương	K62.QTDVLD1	5,8	
15	211410308	Trần Đại Dương	K62.KSKTVT	7,4	
16	233732638	Phạm Thế Thành Đạt	K64.HTGTTM	7,1	
17	V232112243	Bùi Trần Anh Đức	K64.QTKD1	5,8	
18	231830026	Mẫu Thị Giang	K64.KTE 2	1,8	
19	233430273	Nguyễn Thị Hương Giang	K64.TCNH	8,3	8,3
20	221432454	Trần Văn Hải	K63.KTDTVTV2	6,5	6,5
21	211604400	Nguyễn Duy Hoàng	K62.CNDKTDH	8,0	8,0
22	232204591	Trần Thị Thu Hương	K64.KTVT1	7,5	
23	211811572	Chu Tùng Lâm	K62.KTBCVT	0,5	
24	231532104	Bùi Thanh Long	K64.KTD2	3,9	
25	211401022	Nguyễn Thanh Long	K62.KSTTTT	2,2	
26	231830052	Nguyễn Thành Long	K64.KTE 1	5,1	
27	233732658	Nguyễn Duy Mạnh	K64.HTGTTM	6,8	
28	212236109	Nguyễn Hà Mi	K62.KVTOTO	00,0	
29	232630516	Nguyễn Đăng Nam	K64.KTTHVA(QT)2	3,3	
30	232600522	Phan Nguyễn Phương Ngọc	K64.KTTHVA(QT)2	1,0	

Tổng số SV: 30

Giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Người lập bảng

M. P. Bình

PGS.TS. Trần Văn Long

Lê Quang Vượng

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc học học phần đến phòng Đào tạo Đại học và các Khoa, Viện liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

Học phần: Lý thuyết xác suất_BS0.104.2

Số tín chỉ: 2

Tên lớp học phần :Lý thuyết xác suất-2-2-24(N01.BT1)

Mã học phần:BS0.104.2

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm đánh giá quá trình (a)	Ghi chú
31	V232112237	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	K64.QTKD1	7,0	
32	221432563	Nguyễn Thế Phong	K63.KTDTVT3	5,9	
33	211844481	Nguyễn Thị Phương	K62.KTQLDT	6,2	
34	233332603	Trương Anh Quân	K64.RBTTNT	6,3	
35	233732665	Đào Quang Sáng	K64.HTGTMM	5,9	
36	233332605	Trần Văn Thanh	K64.RBTTNT	4,9	
37	212106077	Lê Tiến Thành	K62.QHQLGTVTDT	4,5	
38	212202026	Lộc Hoàng Thao	K62.KTVTOTO	5,8	
39	232234660	Đỗ Thị Thảo	K64.KTVT3	8,3	
40	213131161	Trần Phương Thảo	K62.QTDVDL1	4,5	
41	233332608	Nguyễn Việt Thắng	K64.RBTTNT	8,8	
42	212113249	Vũ Đức Thịnh	K62.VTTMQT1	2,7	
43	223231328	Đỗ Đức Thuận	K63.LOGIQLCU1	00,0	
44	231532151	Nguyễn Văn Trí	K64.KTD2	6,2	
45	V232101855	Nguyễn Lâm Tùng	K64.QTKD1	4,4	
46	233322619	Trịnh Quang Vinh	K64.RBTTNT	5,3	
47	232000457	Vũ Ngọc Thường Vy	K64.KETOAN2	8,1	

Tổng số SV: 47

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng

M.P. Bình

PGS.TS. Trần Văn Long

Lê Quang Vượng

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc học học phần đến phòng Đào tạo Đại học và các Khoa, Viện liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

Học phần: Lý thuyết xác suất_BS0.104.2
Tên lớp học phần :Lý thuyết xác suất-2-2-24(N02)
Mã học phần:BS0.104.2

Số tín chỉ: 2

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm đánh giá quá trình (a)	Ghi chú
1	212130542	Ma Thực Anh	K62.VTTMQT3	6,6	
2	231830006	Nguyễn Việt Anh	K64.KTE 2	6,5	
3	221730119	Phạm Doãn Minh Anh	K63.QTKD2	6,5	
4	232134347	Trần Quỳnh Anh	K64.KHAITHACVT3	7,2	
5	232134349	Nguyễn Minh Anh	K64.KHAITHACVT3	9,5	
6	232204525	Nguyễn Xuân Bách	K64.KTVT2	8,5	
7	233732633	Bùi Đức Văn Chương	K64.HTGTTM	7,8	
8	222104574	Lê Trần Mỹ Dung	K63.QHQLGTD	4,8	
9	231532061	Nguyễn Hữu Dũng	K64.KTD2	6,6	
10	212231710	Dương Đức Duy	K62.KTVTTB1	6,6	
11	231730106	Lê Thùy Dương	K64.QTKD2	10,0	
12	222630264	Lưu Đình Đạt	K63.QTKDVA(QT)	5,2	
13	233231144	Dương Quang Đăng	K64.LOGIQLCU2	6,4	
14	213133106	Nguyễn Đức Khánh Đoàn	K62.QTDVLD2	3,6	
15	221532277	Đậu Xuân Đức	K63.KTD2	7,0	
16	231612431	Nguyễn Minh Đức	K64.DKTDH1	3,6	
17	232234540	Nguyễn Minh Đức	K64.KTVT3	8,3	
18	212631806	Ngô Thu Hà	K62.KTTH 2(QT)	00,0	Không học
19	212032674	Nguyễn Hồng Hạnh	K62.KETOAN TH2	8,6	
20	221532288	Lê Minh Hiếu	K63.KTD2	6,0	
21	211404347	Thái Công Hiếu	K62.KSDTTHCN2	7,4	
22	233221154	Trần Trung Hiếu	K64.LOGIQLCU2	6,8	
23	221730155	Vũ Minh Hiếu	K63.QTKD1	7,0	
24	882380002	Nguyễn Hoàng Hùng	K64.QTKD2	5,8	
25	232104399	Trương Gia Huy	K64.KHAITHACVT2	5,4	
26	221730159	Lương Khánh Huyền	K63.QTKD2	7,4	
27	212010237	Phùng Ngọc Huyền	K62.KETOAN TH1	8,0	
28	232234586	Trần Duy Hưng	K64.KTVT3	4,1	
29	232134406	Trần Quỳnh Hương	K64.KHAITHACVT2	7,0	
30	223231279	Phạm Thị Lê	K64.LOGIQLCU2	6,0	

Tổng số SV: 57

Giáo viên chấm thi



Hoàng Thủy Linh

Trưởng bộ môn



PGS.TS. Trần Văn Long

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Người lập bảng



Lê Quang Vượng

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc học học phần đến phòng Đào tạo Đại học và các Khoa, Viện liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

Học phần: Lý thuyết xác suất_BS0.104.2

Số tín chỉ: 2

Tên lớp học phần :Lý thuyết xác suất-2-2-24(N02)

Mã học phần:BS0.104.2

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm đánh giá quá trình (a)	Ghi chú
31	212634568	Phan Ngọc Thùy Linh	K62.QTKD(QT)	00,0	Không học
32	232234608	Trần Khánh Linh	K64.KTVT3	9,9	
33	232630506	Trần Tiến Lực	K64.KTTHVA(QT)2	5,6	
34	222630563	Nguyễn Đức Mạnh	K63.KTTHVA(QT)1	9,6	
35	231432302	Lê Hải Nam	K64.KTDTVT2	4,2	
36	221532325	Nguyễn Thành Nam	K63.KTD2	6,0	Không học
37	231532117	Trần Thành Nam	K64.KTD2	00,0	
38	232104431	Vũ Quang Nam	K64.KHAITHACVT2	5,4	
39	213130953	Đoàn Thị Lệ Ngọc	K62.QTDVDL2	7,4	
40	232630238	Nguyễn Bảo Nhật	K64.QTKDVA(QT)	1,6	
41	231432315	Bùi Trung Phúc	K64.KTDTVT1	8,4	
42	223134494	Nguyễn Tú Phương	K63.QTDVDLLH1	7,2	
43	231532131	Lê Minh Quang	K64.KTD2	6,6	
44	231532133	Trần Nhật Quân	K64.KTD2	9,1	
45	232234656	Nguyễn Văn Thái	K64.KTVT3	7,5	
46	223134515	Vũ Thị Thảo	K63.QTDVDLLH1	3,8	
47	231432357	Phạm Trường Thi	K64.KTDTVT2	00,0	
48	231532148	Trần Đức Thiện	K64.KTD2	8,1	
49	211832913	Đinh Thị Thùy Trang	K62.KTQLDT	7,0	
50	232630545	Trần Văn Triệu	K64.KTTHVA(QT)2	4,2	
51	211410313	Đặng Thành Trung	K62.KSDTTHCN1	8,4	
52	231830081	Vy Quốc Tuấn	K64.KTE 1	4,2	
53	231432393	Đinh Tiến Việt	K64.KTDTVT2	7,8	
54	233231239	Nguyễn Sỹ Hoàng Việt	K64.LOGIQLCU2	9,3	
55	231532157	Nguyễn Hoàng Vũ	K64.KTD2	6,8	
56	232630257	Nguyễn Hà Vy	K64.QTKDVA(QT)	4,8	
57	231532159	Cao Đình Yên	K64.KTD2	6,2	

Tổng số SV: 57

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Giáo viên chấm thi

Trưởng bộ môn

Người lập bảng







Hoàng Thủy Linh

PGS.TS. Trần Văn Long

Lê Quang Vượng

Ghi chú:

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc học học phần đến phòng Đào tạo Đại học và các Khoa, Viện liên quan
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP